

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

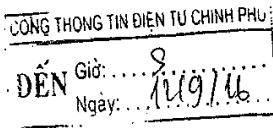
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57 /2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu học phí giáo dục mầm non và phổ thông
công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2016-2017
trên địa bàn tỉnh An Giang**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2016-2017 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1144/TTr-STC ngày tháng 31 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về mức thu học phí, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế quản lý, sử dụng học phí giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2016-2017 trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Trẻ em học tại các trường mầm non công lập (nhà trẻ, mẫu giáo).

b) Học sinh học tại các trường trung học cơ sở công lập.

c) Học sinh học tại các trường trung học phổ thông công lập.

Điều 2. Đơn vị tổ chức thu học phí

1. Các trường mầm non công lập (nhà trẻ, mẫu giáo).

2. Các trường trung học cơ sở công lập.

3. Các trường trung học phổ thông công lập.

Điều 3. Mức thu học phí

1. Mức thu học phí:

Đơn vị tính : đồng/học sinh/tháng

Vùng (địa bàn)	Nhà trẻ	Mẫu giáo bán trú	Mẫu giáo 3, 4 tuổi	Mẫu giáo 5 tuổi	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1. Các phường thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và thị xã Tân Châu (thành thị)	120.000	180.000	120.000	60.000	60.000	75.000
2. Các xã thuộc thành phố Long Xuyên, Châu Đốc, thị xã Tân Châu và thị trấn thuộc các huyện (thành thị)	75.000	135.000	65.000	60.000	60.000	60.000
3. Vùng đồng bằng khác (nông thôn)	40.000	75.000	45.000	0	30.000	30.000
4. Vùng kinh tế - xã hội khó khăn (miền núi)	15.000	40.000	20.000	0	20.000	20.000

2. Các cơ sở giáo dục thường xuyên áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn tính.

Điều 4. Các quy định về không thu học phí, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

1. Đối tượng không phải đóng học phí:

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

2. Đối tượng được miễn học phí:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH;

b) Miễn thu học phí đối với học sinh là người dân tộc Khmer và Chăm.

3. Đối tượng được giảm học phí:

a) Các đối tượng được giảm 70% học phí:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Điểm a Khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Các đối tượng được giảm 50% học phí:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Điểm b Khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

4. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

5. Cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

Điều 5. Tổ chức thu, quản lý và sử dụng học phí

1. Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, học phí được thu theo số tháng thực học; đối với cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 9 tháng/năm học.

2. Học phí thu được để lại 100% cho các trường mầm non, phổ thông công lập, để sử dụng theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định khác của bộ, ngành trung ương.

3. Các trường mầm non, phổ thông công lập có trách nhiệm đăng ký với cơ quan thuế về mức thu học phí để nhận biên lai thu học phí và gửi toàn bộ số học phí thu được vào kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch và quyết toán thu, chi học phí theo quy định hiện hành.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan trong việc kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện Quyết định này tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo phân cấp quản lý và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Phối hợp với các ngành có liên quan trong việc kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện Quyết định này.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Phối hợp với các ngành có liên quan trong việc kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện Quyết định này tại các cơ sở giáo dục trực thuộc và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

c) Hướng dẫn việc xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo, chuẩn cận nghèo theo quy định đang có hiệu lực để có căn cứ thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng này.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo phân cấp quản lý và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định;

b) Tổ chức kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện Quyết định này tại các đơn vị trực thuộc theo phân cấp quản lý.

5. Các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này và chế độ báo cáo theo quy định.

b) Chịu sự kiểm tra, thanh tra định kỳ, đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2016 và thay thế Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập do địa phương quản lý năm học 2014-2015.

Điều 8. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ sở đào tạo có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Kg*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động – TBXH;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư Pháp;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc các Sở: TC; GD &ĐT; LĐ-TBXH;
- Các Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Cục trưởng Cục thuế;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo An Giang, Đài PTTH AG; Phân xã An Giang;
- Website An Giang;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Phòng: TH, KTTH, KGVX;
- Lưu: HC-TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình